

Số: 272/2020/QĐST-HNGĐ

T1 H, ngày 19 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T1 H, THÀNH PHỐ H N

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải tHnh ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Bùi Thị X, sinh năm 1997.**

- **Anh Trần Thanh P, sinh năm 1989.**

Cùng Hộ khẩu thường trú: Số 7 Phố P P1 T, phường C L, quận Đ Đ, TP H N; Cùng trú tại: 16B, ngách 464/18 A C, phường N T, quận T1 H, TP H N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị X và anh Trần Thanh P kết hôn trên C sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y N, huyện L S, tỉnh H B, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống, không có sự chia sẻ. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị X, anh P là hoàn toàn tự nguyện, P1 hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị X, anh P cùng xác nhận anh chị có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo H1, sinh ngày 01/12/2014 và Trần Minh K, sinh ngày 05/3/2017. Anh chị thỏa thuận sau ly hôn giao con chung Trần Ngọc Bảo H1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Trần Minh K cho anh P tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Trần Ngọc Bảo H1 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng, từ tháng 12/2020 đến khi cháu H1 tHnh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nH ở, công nợ chung: Chị X, anh P cùng xác nhận anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh P tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm anh P đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004197 ngày 29/10/2020 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự quận T1 H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản H giải đoàn tụ không tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nH1: Chị Bùi Thị X và anh Trần Thanh P thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Chị X, anh P có 02 con chung là Trần Ngọc Bảo H1, sinh ngày 01/12/2014 và Trần Minh K, sinh ngày 05/3/2017.

Giao con chung Trần Ngọc Bảo H1 cho chị Bùi Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Trần Minh K cho anh Trần Thanh P tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung tHnh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị X 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng, từ tháng 12/2020 đến khi cháu Trần Ngọc Bảo H1 tHnh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nH ở, công nợ chung: Chị X, anh P cùng xác nhận anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí: Anh P tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm anh P, được trừ vào số tiền anh P đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004197 ngày 29/10/2020 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự quận T1 H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T1 H;
- UBND phường Thanh V, TX PT;
(đăng ký kết hôn số 16, ngày 14/9/2017);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NH1 DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH1 DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nH1 và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*⁽⁶⁾.....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản H giải đoàn tụ không tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nH1:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nH1 dân cùng cấp;
- C quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nH1 dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nH1 dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nH1 dân huyện Thường Tín, tHnh phố H N); nếu là Tòa án nH1 dân tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nH1 dân tỉnh (tHnh phố) đó (ví dụ: Tòa án nH1 dân tỉnh H Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nH1 và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nH1 và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là Công quan, tổ chức thì ghi tên Công quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của Công quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những Nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].